

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 360/2024DS-PT

Ngày 09 tháng 7 năm 2024

*“V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất
và chia thừa kế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

- Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Ông Lê Thành Tôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Nguyệt Quỳnh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/6/2024, ngày 02/7/2024 và ngày 09/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 134/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 209/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 87/2024/QĐPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 293/TB-TA ngày 15 tháng 5 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 293a/TB-TA ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 148/2024/QĐPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Phước N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà E, tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Phước N: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số G, tổ B, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2023).

- Bị đơn:

1. Ông Võ Phước V, sinh năm 1970.

2. Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Số nhà A, tổ D, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Phước V: Luật sư Ngô Trọng H1 - Công ty L2 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Võ Kim O, sinh năm 1983.

2. Bà Ngô Thị Ú, sinh năm 1964.

3. Chị Võ Thị Tường V1, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Số E, tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Ú, chị Võ Thị Tường V1: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số G, tổ B, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2021).

4. Ông Võ Phước T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ông Võ Phước T1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số nhà D, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Võ Thị Phước K, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà C, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

7. Ông Võ Tấn P, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ông Võ Phước L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Phước L: Chị Võ Kim O, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số nhà E, tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021).

9. Chị Võ Lê Thiên N1, sinh năm 2003.

10. Võ Lê Thiên A, sinh ngày 05/5/2005.

Cùng địa chỉ: Số A, tổ D, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

11. Ông Hồ Ngọc H2, sinh năm 1982.

12. Cháu Hồ Võ Thiên A1, sinh năm 2020.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Hồ Võ Thiên A1: Anh Hồ Ngọc H2 và chị Võ Kim O (cha ruột và mẹ ruột).

Cùng địa chỉ: Số nhà E, tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

13. Phòng C tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của Phòng C tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn T2, chức vụ: Trưởng phòng.

Địa chỉ: Số A, đường H, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Nguyễn Thị H, ông Võ Phước N, ông Võ Phước V, bà Lê Thị Kim Y, bà Võ Kim O, ông Võ Phước T1, ông Võ Tấn P, bà Võ Thị Phước K và luật sư Ngô Trọng H1 có mặt tại phiên tòa. Các đương sự còn lại trong vụ án vắng mặt. Tuyên án có mặt bà Nguyễn Thị H, ông Võ Phước V, bà Lê Thị Kim Y, bà Võ Kim O, ông Võ Tấn P).

Người kháng cáo: ông Võ Phước Nghĩa l nguyên đơn và ông Võ Phước V là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cụ ông Võ Ngọc T3 (1931-2019) và cụ bà Lê Thị M (1931-2014) là vợ chồng. Cụ Thể và cụ M có 07 người con gồm: Võ Phước T, Võ Phước T1, Võ Phước N, Võ Thị Phước K, Võ Tấn P, Võ Phước V, Võ Phước L. Trong quá trình chung sống, cụ Thể và cụ M có tạo lập được phần đất diện tích 4.112,5m² (đo đạc thực tế là 3.672,1m²) thuộc các thửa đất 74, 31, 37, tờ bản đồ số 34 và 35, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Năm 2014, cụ Lê Thị M chết. Năm 2015, cụ Võ Ngọc T3 tặng cho toàn bộ diện tích đất trên cho ông Võ Phước V và hiện nay ông V và bà Y đang quản lý, sử dụng.

Năm 2011, cụ Thể và cụ M có cho ông N phần đất diện tích khoảng 938 m², ngang khoảng 14 m, thuộc một phần thửa 31 và thửa 37, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Việc cho đất có làm giấy tay (tờ di chúc ngày 28/8/2011) và các anh chị em trong gia đình đều biết, có tiến hành đo đạc, cắm trụ đá ranh.

Đến năm 2013, ông N có xây dựng nhà cấp 4, trên phần đất được cho ngang 4,7 m, dài 15m và trồng cây lâu năm như xoài, mít, ổi, bưởi....

Năm 2014, cụ M chết. Đến năm 2019, cụ Thể chết. Sau khi cụ Thể chết, ông Võ Phước V bao chiếm chặt phá cây của gia đình ông N trồng nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông Võ Phước N khởi kiện yêu cầu như sau:

Thứ nhất: Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Ngọc T3 với bà Lê Thị Kim Y, ông Võ Phước V ngày 28/10/2015 đối với phần diện tích 3.174,5m², thuộc thửa đất số 74, 31, 37 tờ bản đồ số 34, 35 đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Thứ hai: Đối với diện tích đất còn lại khoảng 3.174,5m² thuộc một phần thửa 31, 37 và thửa 74 tờ bản đồ số 34, 35 (sau khi trừ diện tích đất mà cha mẹ cho anh N). Yêu cầu ông Võ Phước V phải chia thừa kế theo pháp luật cho các

ông được hưởng mỗi người 1/7 trên tổng diện tích 3.174,5m² là 453,5m². Yêu cầu được nhận hiện vật là vị trí đất thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông N yêu cầu công nhận cho ông được quyền sử dụng đất đối với diện tích khoảng 938 m², thuộc một phần thửa 31 và thửa 37, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Võ Phước V và bà Lê Thị Kim Y trình bày: Ông V và bà Y thống nhất lời trình bày của ông N về cha mẹ ruột và anh chị em ruột.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Võ Tấn P1 để lại cho con trai là Võ Ngọc T3 sau khi chết, cụ Thể sử dụng đất ổn định đến năm 2003 thì được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Ngọc T3. Đến năm 2015, hộ ông Võ Ngọc T3 tặng cho toàn bộ diện tích đất cho ông Võ Phước V và ông V sử dụng ổn định đến nay. Nay ông V không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phước N, ông Võ Phước L, ông Võ Tấn P vì phần đất này ông V được cha cho và sử dụng ổn định.

Ông Võ Phước T đang định cư tại Úc, ông Võ Phước T1 đang định cư tại Hoa Kỳ nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh chuyển vụ án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết theo quy định pháp luật.

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H và bà Võ Kim O đại diện theo ủy quyền của ông Võ Tấn P và ông Võ Phước L trình bày: Ông P và ông L thống nhất lời trình bày của ông N về nguồn gốc đất và mối quan hệ thừa kế. Nay ông Võ Tấn P và ông Võ Phước L khởi kiện yêu cầu như sau:

Thứ nhất: Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Ngọc T3 với bà Lê Thị Kim Y, ông Võ Phước V ngày 28/10/2015 đối với phần diện tích 3.174,5m², thuộc thửa đất số 74, 31, 37 tờ bản đồ số 34, 35 đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Thứ hai: Đối với diện tích đất còn lại khoảng 3.174,5m² thuộc một phần thửa 31, 37 và thửa 74 tờ bản đồ số 34, 35 (sau khi trừ diện tích đất mà cha mẹ cho anh N). Yêu cầu ông Võ Phước V phải chia thừa kế theo pháp luật cho các ông được hưởng mỗi người 1/7 trên tổng diện tích 3.174,5m² là 453,5m². Yêu cầu được nhận hiện vật là vị trí đất thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Võ Kim O trình bày: Bà Võ Kim O thống nhất lời trình bày của ông N về nguồn gốc đất và mối quan hệ thừa kế. Nay bà O đồng ý yêu cầu của ông N, ông P và ông L; không đồng ý lời trình bày của ông V và bà Y.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Phước T và bà Võ Thị Phước K trình bày: Ông T và bà K thống nhất lời trình bày của ông V về cha mẹ ruột và anh chị em ruột, thống nhất nguồn gốc đất ông bà để lại cho cụ Thể,

cụ Thẻ cho ông V năm 2015. Riêng diện tích đất ông N đang sử dụng là của cụ Thẻ cho mượn cất nhà ở trong lúc khó khăn.

Ông T và bà K không yêu cầu chia thừa kế, đồng ý giao toàn bộ đất tranh chấp cho ông V quản lý, sử dụng để thờ cúng ông bà và cha mẹ do ông V có công nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ lúc già yếu, bệnh tật. Ông T và bà K không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của ông N, ông P và ông L.

- Luật sư Ngô Trọng H1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Phước V trình bày: Luật sư cho rằng thẩm quyền xét xử của Tòa án thành phố C là không đúng vì hiện nay ông T1 đang ở nước ngoài và hiện nay cũng không có ý kiến của ông T1 đối với vấn đề chia thừa kế. Đối với ông N, ông P và ông L yêu cầu chia thừa kế thì ông V không đồng ý. Chưa có cơ quan nào có thẩm quyền xác định nguồn gốc đất chỉ có lời khai của các đương sự, cụ Thẻ là con của cụ P1, sau khi cụ P1 chết cụ Thẻ đi kê khai đất là hoàn toàn đúng quy định pháp luật và tặng cho lại ông V là hoàn toàn đúng pháp luật. Nếu trường hợp chia thừa kế thì các nguyên đơn chỉ được yêu cầu chia phần đất của cụ M chứ không phải chia luôn phần của cụ Thẻ. Việc nguyên đơn cho rằng có giấy tay tặng cho nhưng cho rằng thủ tục tặng cho là không đúng quy định pháp luật. Lời khai của người làm chứng phía nguyên đơn yêu cầu là không khách quan vì những nhân chứng đó là những người thân thích với nguyên đơn. Từ những lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất của ông N.

Hồ sơ gốc của Văn phòng C1 là có đầy đủ chữ ký của những người liên quan. Cụ Thẻ cũng có quyền đối với phần đất tranh chấp nên có quyền làm thủ tục tặng cho ông V và hiện nay cũng chưa có cơ quan nào xác định hợp đồng tặng cho không có giá trị pháp lý. Đối với yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ bởi vì phần đất này đã được cụ Thẻ cho ông V đúng theo quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông N. Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thành phố C vẫn chưa xác định thủ tục cấp giấy chứng nhận đúng hay sai nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính pháp lý của Giấy chứng nhận QSDĐ. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N, ông P, ông L.

Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 134/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023, được sửa chữa bổ sung theo Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 34/2023/QĐSCBSBA ngày 12/10/2023 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 36/2023/QĐSCBSBA ngày 19/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Phước N về việc yêu cầu công nhận cho ông được đứng tên quyền sử dụng đất đối với diện tích 938 m², thuộc một phần thửa 31 và thửa 37, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Phước N, ông Võ Tấn P, ông Võ Phước L về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Ngọc T3, bà Lê Thị Kim Y với ông Võ Phước V ngày 28/10/2015.

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Ngọc T3, bà Lê Thị Kim Y với ông Võ Phước V ngày 28/10/2015 đối với diện tích 1.673,55m².

[3] Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của ông Võ Phước N, ông Võ Tấn P, ông Võ Phước L.

Ông Võ Phước N được sử dụng và chia thừa kế phần đất diện tích 332,3m² (đất trồng cây lâu năm) trong phạm vi các mốc A, 1, 1A, 2A, 6, E, A thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc ấp T, xã T Ông N có trách nhiệm trả giá trị đất chênh lệch cho ông V số tiền 8.856.000 đồng.

Ông Võ Tấn P được sử dụng và chia thừa kế phần đất diện tích 237,6m² (đất trồng cây lâu năm) trong phạm vi các mốc A', 7, 8, B', C', 9, 12, E' về A' thuộc một phần thửa 31, tờ bản đồ số 35, tọa lạc ấp T, xã T Ông V có trách nhiệm trả giá trị đất chênh lệch cho ông P số tiền 140.600 đồng.

Ông Võ Phước L được sử dụng và chia thừa kế phần đất diện tích 220,9m² (đất trồng cây lâu năm) trong phạm vi các mốc E', 12, 9, C', D', 10, 11, E' thuộc một phần thửa 31, tờ bản đồ số 35, tọa lạc ấp T, xã T Ông V có trách nhiệm trả giá trị đất chênh lệch cho ông L số tiền 1.727.000 đồng.

Ông Võ Phước V được sử dụng và chia thừa kế diện tích 2.954,85m², trong đó:

- Diện tích 1.723,4m² trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, N, C, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, K, L, P, 15, 1 thuộc thửa 74, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp T, xã T Ông Võ Phước V được sở hữu căn nhà gắn liền diện tích đất thổ 325m² nằm trong diện tích 1.723,4m², thuộc một phần thửa 74, phần còn lại là đất trồng cây lâu năm.

- Diện tích 1.157,9m² (đất trồng cây lâu năm) trong phạm vi các mốc E, 6, 2A, 1A, 2, B, N', M', N, C, K, M, D, 4, 5, H, E thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35, tọa lạc ấp T, xã T

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố C thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất: Diện tích 332,3m² thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35 cấp cho ông Võ Phước V ngày 13/11/2015 để cấp lại cho ông Võ Phước N; diện tích 237,6m² thuộc một phần thửa 31, tờ bản

đồ số 35, cấp cho ông Võ Phước V ngày 13/11/2015 để cấp lại cho ông Võ Tấn P; diện tích 220,9m² thuộc một phần thửa 31, tờ bản đồ số 35, đã cấp cho ông Võ Phước V ngày 13/11/2015 để cấp lại cho ông Võ Phước L; các phần đất tọa lạc ấp T, xã T, thành phố C.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/3/2021, 12/11/2021, 27/4/2023; Sơ đồ đo đạc ngày 12/11/2021, 25/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp).

[3] Cây trồng trên đất:

Các cây trồng trên phần đất ông Võ Phước N được sử dụng: Ông Võ Phước N được sở hữu toàn bộ cây trồng trên phần đất được sử dụng và không phải trả giá trị cho ông Võ Phước V.

Ông Võ Tấn P được sở hữu 05 cây xoài cát chu và không phải trả giá trị cho ông Võ Phước V.

Ông Võ Phước L được sở hữu 08 cây xoài cát chu và không phải trả giá trị cho ông Võ Phước V.

Ông Võ Phước V được sở hữu toàn bộ cây trồng trên phần đất được sử dụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, thời hạn quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 06/10/2023, ông Võ Phước Nghĩa 1 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/10/2015 giữa cụ Võ Ngọc T3, bà Lê Thị Kim Y với ông Võ Phước V.

Công nhận cho ông N được quyền sử dụng đất đối với diện tích theo đo đạc thức tế là 992,1 m², thuộc một phần thửa 31 và một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu ông Võ Phước V phải chia thừa kế theo pháp luật cho ông N được hưởng diện tích 220,9m² (Mốc E', 12, 9, C', 10, 11 về E') thuộc một phần thửa 31, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ngày 09/10/2023, ông Võ Phước V là bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Về mặt nội dung: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn ông Võ Phước N và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn P, ông Võ Phước L.

Về mặt tố tụng: Vụ án có đương sự là ông Võ Phước T1 hiện đang sinh sống ở nước ngoài, Tòa án chưa thực hiện việc ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là không đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Võ Phước N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông N tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, thống nhất với bản án sơ thẩm và yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 134/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Bị đơn ông Nguyễn Phước V2 trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Hiện tại trong phần đất đang tranh chấp có thửa 74 ông V2 đang thế chấp cho Ngân hàng N2 – Chi nhánh thành phố C, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Phước N và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn P, ông Võ Phước L.

Ngoài ra do ông Võ Phước T1 hiện đang sinh sống ở nước ngoài, tòa án chưa thực hiện việc ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là không đúng thẩm quyền.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phước T1 trình bày: Theo bản án sơ thẩm nhận định thì ông được hưởng thừa kế theo pháp luật diện tích là 239,08m² nhưng do lúc đó ông ở nước ngoài nên phần thừa kế của ông cấp sơ thẩm chưa giải quyết. Ông không thống nhất việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Thê, bà Y với ông V2 vì tài sản này là của cha mẹ để lại nên phải chia đều cho các anh em theo quy định của pháp luật. Ông thống nhất tạm giao phần đất mà ông được hưởng thừa kế cho người đang quản lý, sử dụng là ông V2 theo bản án sơ thẩm đã nhận định, khi nào ông cần sử dụng đất thì sẽ thỏa thuận với ông V2 sau hoặc sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Ngô Trọng H1 trình bày: Thẩm quyền xét xử của Tòa án thành phố C là không đúng quy định vì khi giải quyết vụ kiện ông T1 đang ở nước ngoài. Đối với ông N, ông P và ông L yêu cầu chia thừa kế thì ông V2 không đồng ý. Cụ Thê là con của cụ P1, sau khi cụ P1 chết cụ Thê đi kê khai đất và sau đó tặng cho lại ông V2 là hoàn toàn đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Trường hợp nếu chia thừa kế thì các nguyên đơn chỉ được yêu cầu chia phần đất của cụ M chứ không phải chia luôn phần của cụ Thê và việc chia thừa kế phải chia thành 8 kỹ phần trong có phần của cụ Thê. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất của ông N.

Về hồ sơ gốc của Văn phòng công chứng lưu giữ là có đầy đủ chữ ký của những người liên quan. Cụ Thê cũng có quyền đối với phần đất tranh chấp nên có quyền làm thủ tục tặng cho ông V2 và hiện nay cũng chưa cơ quan nào xác định hợp đồng tặng cho là không có giá trị pháp lý. Đối với yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ bởi phần đất này đã được cụ Thê cho ông V2 đúng theo quy định pháp luật và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thành phố C vẫn chưa xác định thủ tục cấp giấy chứng nhận đúng hay sai nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính pháp lý của Giấy chứng nhận QSDĐ. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N, ông P, ông L.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Các bên đương sự thừa nhận nguồn gốc đất của cha mẹ là ông Võ Ngọc T3 (sinh năm 1931, chết năm 2019) và bà Lê Thị M (sinh năm 1931, chết năm 2014) có 07 người con: ông T, ông T1, ông N, bà K, ông P, ông V2, ông L. Hộ ông T3 được cấp giấy chứng nhận ngày 6/2/1999 gồm 5 thửa. Năm 2003, hộ ông T3 cấp đổi giấy chứng nhận ngày 27/10/2003, gồm 3 thửa: thửa 74, 31, 37. Năm 2011, ông T3, bà M cho ông N cất nhà ở trên đất. Năm 2014, bà M chết. Năm 2015, hộ ông T3 tặng cho toàn bộ đất cho ông V2 đứng tên. Năm 2019, ông T3 chết. Năm 2020, ông N phát sinh tranh chấp đến nay.

Xét Tờ di chúc ngày 28/8/2011 thể hiện: ông T3 viết tờ di chúc cho con là ông N phần đất ngang 14m, dài từ rạch L đến rạch chùa T8, tứ cận giáp đất ông T3, đất bà Ngô Thị T4, giáp rạch chùa T8, giáp rạch L. Trong lúc viết tờ di chúc này ông T3 minh mẫn, sáng suốt nên kính nhờ Phòng công chứng chứng thực tờ di chúc này cho ông T3.

Tờ di chúc có chữ ký của ông T3, ông N, ông P. Tuy nhiên, sau đó ông T3 không công chứng, chứng thực Tờ di chúc mà làm Hợp đồng tặng cho toàn bộ đất cho ông V2 đứng tên vào năm 2015, đến năm 2019 ông T3 chết. Do đó, Tờ di chúc không có hiệu lực, ông N yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất 992,1m² theo Tờ di chúc là không có căn cứ.

Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/10/2015 giữa hộ ông T3 (ông T3, bà Y) tặng cho ông V2 toàn bộ 03 thửa 74, 31, 37, có công chứng và có ông T chứng kiến đã xác nhận ông T3 minh mẫn, sáng suốt tặng cho đất ông V2.

Do đất tranh chấp là tài sản chung của ông T3, bà M nên ông T3 không có quyền quyết định đối với phần di sản của bà M. Do đó, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/10/2015 chỉ có hiệu lực đối với phần tài sản của ông T3, còn phần di sản của bà M không để lại di chúc nên được chia thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P, ông L thống nhất yêu cầu được nhận đất tại thửa 31 để cùng đứng tên đồng sở hữu.

Do đó, kháng cáo của ông V2 có một phần có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng

cáo của ông N, chấp nhận một phần kháng cáo của ông V2, sửa bản án sơ thẩm như phân tích trên, đồng thời tuyên chi phí, án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Võ Phước N và ông Võ Phước V còn trong hạn luật định, hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Võ Phước T, bà Võ Thị Phước K, chị Võ Lê Thiên N1, chị Võ Lê Thiên A, ông Hồ Ngọc H2, Hồ Võ Thiên A1, nhưng các đương sự này vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông N Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Võ Phước N có mặt và ông trình bày tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của mình về việc công nhận cho ông được quyền sử dụng đất đối với diện tích theo đo đạc thực tế là 992.1m², thuộc một phần thửa 31 và một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Ngọc T3, bà Lê Thị Kim Y với ông Võ Phước V lập ngày 28/10/2015 và yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất thuộc thửa số 74, 31, 37 tờ bản đồ số 34, 35, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nghĩa là chị Nguyễn Thị H cũng thống nhất với việc ông N rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo này. Việc rút đơn kháng cáo của ông Nghĩa là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Võ Phước N.

[2.2] Xét việc ông Võ Phước V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Phước N và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn P và ông Võ Phước L Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1] Theo tờ khai mối quan hệ thừa kế thì cụ ông Võ Ngọc T3 (1931-2019) và cụ bà Lê Thị M (1931-2014) là vợ chồng. Cụ Thế và cụ M có 07 người con gồm: Võ Phước T, Võ Phước T1, Võ Phước N, Võ Thị Phước K, Võ Tấn P, Võ Phước V, Võ Phước L.

Ngày 06/02/1999, hộ ông Võ Ngọc T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 4.575m² bao gồm diện tích 450m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 1030; diện tích 1.650m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 1031, cùng tờ bản đồ số 03. Diện tích 350m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 1762;

diện tích 1.800m² đất vườn thuộc thửa 1763 và diện tích 325m² đất thổ thuộc thửa 2117, cùng tờ bản đồ số 04.

Đến ngày 27/10/2003, hộ cụ Võ Ngọc T3 thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp lại với tổng diện tích 4.112,5m² bao gồm: Diện tích 325m² đất thổ và diện tích 1.775,6m² đất vườn, thuộc thửa 74, tờ bản đồ số 34; Diện tích 481,1m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 35 và diện tích 1.530,8m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 35.

Ngày 20/8/2014, cụ Lê Thị M chết.

Ngày 28/10/2015, hộ cụ Võ Ngọc T3 lập thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Võ Phước V, đến ngày 13/11/2015 ông Võ Phước V được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 325m² đất thổ và diện tích 1.775,6m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 74, tờ bản đồ số 34; Diện tích 481,1m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 35 và diện tích 1.530,8m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 35.

Ngày 26/10/2019, cụ Võ Ngọc T3 chết.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, thể hiện nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cụ Võ Tấn P1, sau khi cụ P1 chết thì để lại cho con trai là Võ Ngọc T3 quản lý sử dụng trước năm 1975. Khi nhận phần đất của cụ P1 để lại, cụ Thể và cụ M đã là vợ chồng và cùng nhau sinh sống, canh tác và xây dựng nhà trên phần đất này nên xác định đây là tài sản chung của cụ Thể và cụ M.

Theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/10/2015 (do Phòng C, tỉnh Đồng Tháp cung cấp) thể hiện hộ cụ Thể gồm cụ Thể và bà Lê Thị Kim Y tặng cho ông Võ Phước V phần đất có diện tích 4.112,5m² tại các thửa 74, 31, 37, tờ bản đồ số 34, 35, loại đất trồng cây lâu năm và đất thổ, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có ông Võ Phước T xác nhận việc cho đất là khi cụ Thể còn minh mẫn, sáng suốt và có công chứng viên Mai Trúc L1 chứng nhận. Thời điểm lập hợp đồng tặng cho ngày 28/10/2015, công an xã T xác nhận trong “*hộ ông Võ Ngọc T3 có 05 nhân khẩu: Võ Ngọc T3, sinh năm 1931 (chủ hộ); Võ Phước V, sinh năm 1970 (con); Lê Thị Kim Y, sinh năm 1974 (dâu); Võ Lê Thiên N1, sinh năm 2003 (cháu), Võ Lê Thiên A, sinh năm 2005 (cháu)*”, trong đó có 03 người đã trưởng thành gồm cụ Thể, ông V và bà Y; còn Thiên N1 và Thiên A chưa thành niên nên hợp đồng chỉ có cụ Thể, ông V và bà Y ký tên, ông T là người làm chứng và có xác nhận của công chứng viên nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/10/2015 là phù hợp với quy định tại Điều 459 của Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, do phần đất này là tài sản chung của cụ Thể và cụ M nên khi tặng cho cụ Thể chỉ có quyền quyết định phần tài sản của mình, cụ Thể không có quyền quyết định phần tài sản của cụ M. Từ đó, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/10/2015 chỉ có hiệu lực ½ đối với tài sản của cụ Thể, còn ½

tài sản là của cụ M, do cụ M chết không để lại di chúc nên được chia theo pháp luật.

Đối với việc ông V cho rằng đang thế chấp thửa đất số 74, tờ bản đồ số 34, diện tích 2100.6m² tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh thành phố C thì phía Ngân hàng có ý kiến như sau: Ngày 13/5/2024 ông Võ Phước V đã trả tất nợ và nhận lại tài sản đã thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 74, tờ bản đồ số 34 tại Ngân hàng nên việc tranh chấp giữa ông N và ông V, bà Y không còn liên quan đến Ngân hàng nên Ngân hàng xin không tham gia vụ kiện. Do đó Hội đồng xét xử không đặc vấn đề để xem xét.

[2.2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông V cho rằng vụ án có đương sự là ông Võ Phước T1 hiện đang sinh sống ở nước ngoài, Tòa án chưa thực hiện việc ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là không đúng thẩm quyền Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Võ Phước T1 có mặt và trình bày: Trong thời gian Tòa án giải quyết tranh chấp giữa N và V thì ông T1 đang ở nước ngoài nên không tham gia tố tụng được, con trai của ông T1 tên Võ Huỳnh Thiên T6 và Võ Phước T7 có cung cấp văn bản ý kiến và đơn xin xét xử vắng mặt ghi tên ông Võ Phước T1 đang sống ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên không có cơ quan có thẩm quyền nào xác nhận văn bản này là do ông T1 viết và ký tên, đồng thời cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T1 đang sinh sống tại Hoa Kỳ. Do đó, cấp sơ thẩm xác định nơi cư trú cuối cùng của ông T1 tại số nhà D, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long và thời điểm xét xử ông T1 không có mặt tại địa phương là có cơ sở. Cấp sơ thẩm giải quyết tạm giao kỷ phần thừa kế của ông T1 cho ông V quản lý, khi ông T1 có yêu cầu thì ông V có trách nhiệm giao lại kỷ phần thừa kế cho ông T1 là có căn cứ. Tại phiên tòa ông T1 cũng đồng ý giao kỷ phần của mình được nhận cho ông V tạm quản lý, khi nào ông T1 cần sử dụng đất thì sẽ thỏa thuận với ông V hoặc sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác, ông T1 thống nhất với bản án sơ thẩm và không thắc mắc hay yêu cầu gì, nên yêu cầu kháng cáo của ông V là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Đối với phần đất của cụ Thể và cụ M để lại có tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.112,5m²; đo đạc thực tế là 3.672,1m², bao gồm:

- Thửa 74, tờ bản đồ số 34, gồm diện tích 325m² đất thổ và diện tích 1.775,6m² (đo đạc thực tế 1.723,4m²) đất trồng cây lâu năm do ông Võ Phước V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa 31, tờ bản đồ số 35 diện tích 481,1m² (đo đạc thực tế 458,5m²) đất trồng cây lâu năm do ông Võ Phước V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa 37, tờ bản đồ số 35 diện tích 1.530,8m² (đo đạc thực tế 1.490,2m²) đất trồng cây lâu năm do ông Võ Phước V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất giao phần đất ở diện tích 325m² thuộc thửa 74, tờ bản đồ số 34 và căn nhà gắn liền trên đất cho ông Võ Phước V quản lý, sử dụng để thờ cúng. Ông N, ông P, ông L chỉ yêu cầu chia thừa kế phần đất trồng cây lâu năm tại thửa 31, 37 và một phần thửa 74.

Theo bản án sơ thẩm đã giải quyết thì phần đất đang tranh chấp được chia thừa kế là 07 kỷ phần gồm ông T, ông T1, ông N, bà K, ông P, ông V và ông L, nhưng không có chia cho cụ Võ Ngọc T3 là chưa đúng theo quy định bởi, do cụ M chết trước cụ Thê theo quy định của pháp luật thì cụ Thê sẽ được hưởng một kỷ phần trong di sản của cụ M chết để lại. Nên cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng phần di sản của cụ M để lại được chia thừa kế làm 8 kỷ phần bằng nhau cụ thể:

Tổng diện tích đất tranh chấp là 3.347,1m², trong đó có ½ là phần đất của cụ Thê diện tích 1.673,55m² đã cho ông V hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét chia thừa kế.

Đối với ½ phần đất của cụ M chết để lại không có di chúc diện tích là 1.673,55m² sẽ được chia thừa kế theo quy định của pháp luật cụ thể như sau: Diện tích 1.673,55m² chia làm 8 kỷ phần gồm cụ Thê, ông T, ông T1, ông N, bà K, ông P, ông V, ông L, mỗi người được hưởng diện tích là 209,19m².

Đối với kỷ phần thừa kế của ông Võ Phước T1 được hưởng, do ông T1 thống nhất không yêu cầu gì trong vụ án này và đồng ý tạm giao kỷ phần của mình cho ông V quản lý. Nên Hội đồng xét xử xác định tạm giao kỷ phần thừa kế của ông T1 cho ông V quản lý, khi ông T1 có yêu cầu thì ông V có trách nhiệm giao lại 01 kỷ phần thừa kế diện tích 209,19m² cho ông Võ Phước T1.

Đối với kỷ phần thừa kế của ông Võ Phước T và bà Võ Thị Phước K: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà K có ý kiến đồng ý giao cho ông V được nhận quản lý và sử dụng kỷ phần thừa kế của ông, bà.

Như vậy, theo quy định thì ông N, ông P, ông V, ông L được chia thừa kế và sử dụng đất như sau:

Ông Võ Phước N được chia thừa kế phần đất diện tích 209,19m², tuy nhiên ông N đã xây dựng nhà kiên cố trên diện tích 332,3m² (đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35 và đã sử dụng ổn định từ năm 2013 đến nay nên giao cho ông N phần đất diện tích 332,3m² trong phạm vi các mốc A, 1, 1A, 2A, 6, E, A thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc ấp T, xã T Do diện tích đất ông N được chia thừa kế là 209,19m² nên phần đất chênh lệch ông N có trách nhiệm trả giá trị cho ông V số tiền 11.695.450 đồng (diện tích thừa 123.11m² x 95.000 đồng/m²).

Ông Võ Tấn P được chia thừa kế phần đất diện tích 209,19m². Tuy nhiên, ông P yêu cầu chia thừa kế diện tích 345,2m² trong phạm vi các mốc H, 5, 4, D, M, K, H thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35; phần đất này diện tích lớn hơn nhiều so với diện tích ông P được chia thừa kế và ông P cho rằng ông muốn nhận di sản kỷ niệm của cha mẹ nên nhận ở vị trí nào tại thửa 31 hay thửa 37, tờ bản đồ số 35 cũng được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông P sử dụng

phần đất diện tích $237,6\text{m}^2$ (đất trồng cây lâu năm) trong phạm vi các mốc A', 7, 8, B', C', 9, 12, E' về A' thuộc một phần thửa 31, tờ bản đồ số 35, tọa lạc ấp T, xã T; nhưng do ký phần thừa kế của ông P được nhận là diện tích $209,19\text{m}^2$ nên phần đất chênh lệch ông P có trách nhiệm trả giá trị cho ông V số tiền 2.698.000 đồng (diện tích thừa $28,41\text{m}^2 \times 95.000$ đồng/ m^2).

Ông Võ Phước L được sử dụng phần đất diện tích $209,19\text{m}^2$. Tuy nhiên, ông L yêu cầu chia thừa kế diện tích $390,5\text{m}^2$ trong phạm vi các mốc E, H, K, C, 3, 6, E thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35; phần đất này diện tích lớn hơn nhiều so với diện tích ông L được chia thừa kế và ông L cho rằng ông muốn nhận di sản kỷ niệm của cha mẹ nên nhận ở vị trí nào tại thửa 31 hay thửa 37, tờ bản đồ số 35 cũng được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông L sử dụng phần đất diện tích $220,9\text{m}^2$ (đất trồng cây lâu năm) trong phạm vi các mốc E', 12, 9, C', D', 10, 11, E' thuộc một phần thửa 31, tờ bản đồ số 35, tọa lạc ấp T, xã T; nhưng do ký phần thừa kế của ông L được nhận là diện tích $209,19\text{m}^2$ nên phần đất chênh lệch ông L có trách nhiệm trả giá trị cho ông V số tiền 1.112.000 đồng (diện tích thừa $11,71\text{m}^2 \times 95.000$ đồng/ m^2).

Do diện tích được hưởng thừa kế của ông P và ông L không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định của pháp luật, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ông Võ Tấn P và người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Phước L là chị Võ Kim O cũng thống nhất đồng sở hữu phần thừa kế được hưởng của mình, do cùng thửa đất số 31 nên Hội đồng xét xử quyết định để ông Võ Tấn P và ông Võ Phước L được quản lý, sử dụng đồng sở hữu diện tích $458,5\text{m}^2$ ($237,6\text{m}^2 + 220,9\text{m}^2$) thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Võ Phước V được quản lý sử dụng phần đất như sau: Do khi còn sống cụ Thê đã tặng cho quyền sử dụng đất của mình cho ông V đúng quy định nên Hội đồng xét xử giao cho ông V phần đất cụ Thê cho diện tích $1.673,55\text{m}^2$ và ký phần thừa kế của cụ Thê được nhận diện tích $209,19\text{m}^2$; ký phần thừa kế của ông T giao lại cho ông V diện tích $209,19\text{m}^2$; ký phần thừa kế của bà K giao lại cho ông V diện tích $209,19\text{m}^2$; ký phần thừa kế của ông T1 tạm giao cho ông V diện tích $209,19\text{m}^2$; ký phần ông V được chia thừa kế diện tích $209,19\text{m}^2$ và diện tích 325m^2 đất thổ gắn liền với căn nhà (các đương sự không tranh chấp tại thửa 74); trừ diện tích chênh lệch của ông P $28,41\text{m}^2$; trừ diện tích chênh lệch của ông L $11,71\text{m}^2$; trừ đi diện tích chênh lệch của ông N $123,11\text{m}^2$. Tổng diện tích ông V được sử dụng là $2.881,3\text{m}^2$, trong đó:

- Diện tích $1.723,4\text{m}^2$ trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, N, C, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, K, L, P, 15, 1 thuộc thửa 74, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp T, xã T, được sở hữu căn nhà gắn liền trên diện tích đất thổ 325m^2 (nằm trong tổng diện tích $1.723,4\text{m}^2$) thuộc một phần thửa 74, phần còn lại là đất trồng cây lâu năm và sở hữu các cây trồng trên đất.

- Diện tích $1.157,9\text{m}^2$ (đất trồng cây lâu năm) trong phạm vi các mốc E, 6, 2A, 1A, 2, B, N', M', N, C, K, M, D, 4, 5, H, E thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35, tọa lạc ấp T, xã T và sở hữu các cây trồng trên đất.

[4] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Võ Phước V là có căn cứ một phần để chấp nhận nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông V.

[5] Xét lời trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Ngô Trọng H1 là có căn cứ một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[6] **Xét việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.**

[7] Xét bản án sơ thẩm xét xử là chưa có căn cứ nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị sửa, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Võ Phước N.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Võ Phước V.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 134/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Phước N về việc yêu cầu công nhận cho ông được đứng tên quyền sử dụng đất đối với diện tích 938m², thuộc một phần thửa 31 và thửa 37, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Phước N, ông Võ Tấn P, ông Võ Phước L về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Ngọc T3, bà Lê Thị Kim Y với ông Võ Phước V ngày 28/10/2015.

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Ngọc T3, bà Lê Thị Kim Y với ông Võ Phước V ngày 28/10/2015 đối với diện tích 1.673,55m².

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của ông Võ Phước N, ông Võ Tấn P, ông Võ Phước L.

Ông Võ Phước N được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 332,3m² trong phạm vi các mốc A, 1, 1A, 2A, 6, E, A, thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc ấp T, xã T Ông N có trách nhiệm trả giá trị đất cho ông V diện tích thửa 123.2m² x 95.000 đồng/m² = 11.704.000 đồng.

Ông Võ Tấn P và ông Võ Phước L được quản lý, sử dụng đồng sở hữu diện tích 458,5m² trong phạm vi các mốc A', 7, 8, B', C', D', 10, 11, E', A', thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 35, tọa lạc ấp T, xã T Ông P có trách nhiệm trả giá trị đất cho ông V diện tích thửa là 28,5m² x 95.000 đồng/m² = 2.707.500 đồng. Ông L có trách nhiệm trả giá trị đất cho ông V diện tích thửa 11.8m² x 95.000 đồng/m² = 1.121.000 đồng.

Ông Võ Phước V được quản lý sử dụng diện tích 2.880,55m², trong đó:

- Diện tích 1.723,4m² trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, N, C, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, K, L, P, 15, 1 thuộc thửa 74, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp T, xã T, được sở hữu căn nhà gắn liền trên diện tích đất thổ 325m² (nằm trong tổng diện tích 1.723,4m²) thuộc một phần thửa 74, phần còn lại là đất trồng cây lâu năm và sở hữu các cây trồng trên đất.

- Diện tích 1.157,15m² (đất trồng cây lâu năm) trong phạm vi các mốc E, 6, 2A, 1A, 2, B, N', M', N, C, K, M, D, 4, 5, H, E thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35, tọa lạc ấp T, xã T và sở hữu các cây trồng trên đất.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố C thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất: Diện tích 332,3m² thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 35 cấp cho ông Võ Phước V ngày 13/11/2015 để cấp lại cho ông Võ Phước N; diện tích 458,5m² thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 35, đã cấp cho ông Võ Phước V ngày 13/11/2015 để cấp lại cho ông Võ Tấn P và Võ Phước L cùng đồng sở hữu; phần đất tọa lạc ấp T, xã T, thành phố C.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/3/2021, 12/11/2021, 27/4/2023; Sơ đồ đo đạc ngày 12/11/2021, 25/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp).

Về cây trồng trên đất:

Các cây trồng trên phần đất ông Võ Phước N được sử dụng: Ông Võ Phước N được sở hữu toàn bộ cây trồng trên phần đất được sử dụng và không phải trả giá trị cho ông Võ Phước V.

Ông Võ Tấn P và ông Võ Phước L được sở hữu 13 cây xoài cát chu và không phải trả giá trị cho ông Võ Phước V.

Ông Võ Phước V được sở hữu toàn bộ cây trồng trên phần đất được sử dụng.

Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá: Các ông Võ Phước N, Võ Phước V, Võ Tấn P, Võ Phước L mỗi người phải chịu số tiền là 2.872.500 đồng, do ông Võ Phước N đã tạm ứng và chi xong nên ông Võ Phước V, ông Võ Tấn P, ông Võ Phước L mỗi người có trách nhiệm nộp để trả lại cho ông N số tiền là 2.872.500 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Phước N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng, theo các biên lai thu số 0007671 ngày 29/01/2021 và 0017398 ngày 23/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Đồng Tháp.

Ông Võ Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.136.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng, theo các biên lai thu số 0005193 ngày 13/12/2021 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Đồng Tháp, như vậy ông P được nhận lại số tiền 114.000 đồng.

Ông Võ Phước L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.136.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng, theo các biên lai thu số 0005194 ngày 13/12/2021 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Đồng Tháp, như vậy ông L được nhận lại số tiền 114.000 đồng.

Ông Võ Phước V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.542.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Phước N không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Võ Phước V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Võ Phước V được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007019 ngày 12/10/2023 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND TP. Cao Lãnh
- TAND TP. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (O).

Hứa Quang Thông